TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 131 /2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 5 -2025
"V/v Ly hôn giữa ông K và bà T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**
2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Không tham gia.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tuấn K,** sinh ngày 01/11/1978
Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh ngày 21/11/1975.
Địa chỉ: ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn K trình bày: Do quen biết và được cha mẹ 02 bên đồng ý nên ông và bà T tiến đến hôn nhân năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống có lời lẽ không tốt với nhau. Năm 2023 ông đã khởi kiện xin ly hôn bà T. Tuy nhiên bản án số 222/2023/HNGĐ-ST ngày 07/9/2023 của Toà án nhân dân huyện C đã không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông. Sau khi xét

xử thì ông và bà T không hàn gắn được và tiếp tục ly thân. Ông xác định không còn tình cảm với bà T.

Con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/10/2002 và Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 05/4/2008, hiện đang sống cùng bà T.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Ông K yêu cầu ly hôn bà T. Con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Tuấn Kiệt ông giao cho bà T nuôi. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tại biên bản hoà giải cũng như tại phiên toà ông K trình bày: Ông yêu cầu được ly hôn với bà T. Con chung cháu Tuấn K1 giao bà T nuôi, ông cấp dưỡng 5.000.000đồng/ tháng. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

- Bị đơn bà Trần Thị Thanh T tại tờ tự khai trình bày: Bà không đồng ý ly hôn vì ông K ngoại tình. Trường hợp Toà cho ly hôn bà đồng ý nuôi cháu Tuấn K1, ông K cấp dưỡng 5.000.000đồng/ tháng. Tài sản chung có nhưng không tranh chấp. Nợ chung không có

Tại phiên tòa, bà T kiên quyết không đồng ý ly hôn với ông K. Trường hợp Tòa án cho ly hôn bà đồng ý nuôi cháu Tuấn K1, ông K cấp dưỡng 5.000.000đồng/ tháng. Tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ông K khởi kiện yêu cầu ly hôn bà T, yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do đó xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo qui định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo qui định tại điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông K và bà T tiến đến hôn nhân năm 2001 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẩn và ly thân mỗi người có cuộc sống riêng không quan tâm đến ai. Tại phiên toà, ông K trình bày mâu thuẩn do bất đồng quan điểm và ông có tình cảm với người khác, còn bà T trình bày do ông K ngoại tình. Ông K cũng đã làm đơn xin ly hôn bà T vào năm 2023, được Toà án xét xử không chấp nhận cho ly hôn. Tuy nhiên, đến nay ông bà vẫn không hàn gắn được với nhau, ông K tiếp tục xin ly hôn bà T. Đối với bà T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có

biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẩn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho ông K được ly hôn với bà T là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/10/2002 và Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 05/4/2008. Bà T đồng ý nuôi con chung chưa thành niên là cháu Tuấn K1. Xét thấy, cháu K1 đang sống cùng bà T từ lúc ợ chồng ly thân, cháu cũng có nguyện vọng sống cùng bà T. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu K1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông K và bà T thống nhất mức cấp dưỡng là 5.000.000đồng. Xét thấy, mức cấp dưỡng trên cũng phù hợp qui định pháp luật và thực tế nhu cầu của con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Nợ chung: Các đương sự thông nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Tuấn K.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Tuấn K được ly hôn với bà Trần Thị Thanh T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung chưa thành niên Nguyễn Tuấn K1, sinh ngày 05/4/2008 cho bà Trần Thị Thanh T nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Tuấn K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.3. Ông Nguyễn Tuấn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn K phải chịu 600.000đồng án phí dân sự sơ thẩm(gồm án phí ly hôn và cấp dưỡng). Ông đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016567 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên phải nộp tiếp 300.000 đồng.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông K chậm thi hành đối với khoản tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Ông K, bà T có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng phần quyết định của bản án về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN TÚ ANH